

Phẩm 25: A TĂNG KỲ

A. Giải thích tên gọi: Bồ-tát Tâm Vương là người có thể hỏi, biểu thị cho cách đếm số (số pháp) dựa vào tâm, như số đếm về Thức..., Bồ-tát thấu suốt tự tại gọi là Vương. A-tăng-kỳ là pháp đã hỏi, bắt đầu của mười số, từ số đầu tiên làm tên gọi. Nếu đầy đủ thì phải gọi là phẩm Thập Đại Số.

B. Ý đưa ra: Không phải giải đáp câu hỏi trước đây vì sao lại đưa ra? Bởi vì Thập Minh phân rõ về Dụng của hành, Thập Nhãn trình bày về Thể của hành, nay hiển bày về Đức của hành để so sánh về phạm vi giới hạn, tức là Đức đã kể ra trong kệ tụng dưới đây. Lại giải thích: Trong các phẩm trước vốn có số lượng, nghĩa là như trong phẩm Quang Giác..., đều có số pháp, cho nên nay ở đây giải thích về thành tựu.

C. Tông thú có hai: Một, Số có thể kể ra; Hai, Đức đã kể ra.

Trong phần một cũng có hai: Trước là xác định về đã nhận biết; sau là hiển bày về có thể nhận biết.

Trong phần trước: A-tăng-kỳ, Trung Hoa nói là Vô số, tức là số cuối cùng. Trong các Thánh giáo thông thường có bốn cách giải thích:

1) Dựa theo luận Câu Xá: Số đếm đến sáu mươi lớp gọi là một A-tăng-kỳ; đây là dựa theo Tiểu thừa.

2) Dựa vào Trí Luận quyển thứ chín: Số đếm vượt qua mười lớp về sau gọi là A-tăng-kỳ. Luận nói một với một gọi là Hai, hai lần hai gọi là Bốn, ba lần ba gọi là Chín, mười mười gọi là Trăm, mười trăm gọi là Ngàn, mười ngàn gọi là Vạn, ngàn vạn gọi là Úc, ngàn ức gọi là Na-do-tha, ngàn vạn Na-do-tha gọi là Tần-bà, ngàn vạn Tần-bà gọi là Ca-tha, vượt qua Ca-tha gọi là A-tăng-kỳ, như vậy đếm đến ba A-tăng-kỳ. Giải thích rằng: Đây đã nói vượt qua Ca-tha, cũng tức là bao gồm vượt qua các số sau cho nên gọi là A-tăng-kỳ; đây là dựa theo Thỉ giáo mà nói.

3) Dựa vào Trí Luận quyển thứ sáu: Dẫn ra văn phẩm này, còn có trăm số, đến A-tăng-kỳ...; đây là dựa theo Chung giáo mà nói.

4) Dựa vào phẩm này: Trăm số Tăng-kỳ, mới là số thứ nhất, như vậy lần lượt dùng số đã đếm giống như số có thể đếm, đến thứ mười gọi là Bất khả thuyết chuyển, Bất khả thuyết chuyển chuyển như nhau mới là số cao nhất. Vì vậy số cao nhất của Giáo trước chính là số thứ nhất trong này, cho nên biết môn này rất rộng, dựa theo Viên giáo mà phân rõ.

Trong phần sau là hiển bày về có thể nhận biết, cũng có năm lớp:

Một, Cách đếm số trong loài người thấp nhất. Hai, Cách đếm số của chư Thiên vượt qua loài người, trong loài trời cũng không giống nhau, như Tự Tại Thiên Vương trong một niệm đếm biết số giọt mưa khắp Đại thiên... Ba, Trong Tiểu thừa, Xá-lợi-phất khéo léo nhận biết cách đếm số vượt qua người-trời. Bốn, Trong các Bồ tát đếm số nhận biết cũng sai biệt, như cách đếm số tính số hạt cát của Đồng tử Thích Thiên dưới đây, không phải Nhị thừa có thể biết được; cũng như Văn Thù-Phổ Hiền nhận biết số lượng thế giới như vi trần..., không phải là sự nhận biết của phần vị dưới. Năm, Đức Phật tự mình đã nhận biết là vô cùng tự tại, tất cả những phần vị khác hoàn toàn không có thể nhận biết. Trí Luận quyển thứ chín nói: “Đức Phật ngồi dưới tán cây trong khu rừng ở bên ngoài tinh xá Kỳ Hoàn, có một Bà-la-môn đi đến hỏi Đức Phật: Khu rừng này có bao nhiêu lá? Đức Phật đáp: Với số bấy nhiêu. Tâm người ấy sinh nghi, ai chứng thực biết được điều này? Liền trộm ngắt đi một ít lá, trở lại hỏi Đức Phật: Rừng cây này xác định có bao nhiêu lá? Đức Phật đáp: Nay thiếu đi bấy nhiêu lá. Đúng như số lá đã ngắt đi mà nói. Bà-la-môn biết rồi, tâm vô cùng tôn kính tin tưởng, cầu xin Đức Phật mà xuất gia, đạt được quả A-la-hán. Vì vậy cho nên biết Đức Phật có thể biết rõ số cát sông Hằng.” Giải thích rằng: Đây là dựa theo Đức Phật biết rõ số cát sông Hằng. Nay văn trong phẩm này chỉ có Đức Phật đã nhận biết là số Vô cực, cho nên Đức Phật tự mình nói ra. Văn nói: Cảnh giới của trí Phật vốn là nghĩa rất sâu xa.

Trong phần hai là đức đã kể ra cũng có hai, đó là đức thuộc nhân của Phổ Hiền và đức thuộc quả của Phật, tất cả đều bao gồm Nhân-đà-la vông..., đầy đủ như trong tụng sau này phân rõ.

D. Giải thích văn, văn này có hai: Trước là hỏi, sau là đáp.

Trong hỏi cũng có hai: Trước là nêu ra chọn lấy hỏi về pháp; sau từ “Thế Tôn hà cố...” trở xuống là dùng pháp để thưa hỏi.

Trong phần trước vì sao nhắc lại mười số này, là các phẩm nêu ra tên gọi và kết luận nối thông nơi chốn đều có mười số này, nhưng chưa giải thích, không biết rõ về phạm vi giới hạn, bởi vì hiển bày khiến cho biết rõ mà nay thưa hỏi. Trong mười câu: Thứ hai là Bất khả lượng, sau trong giải đáp gọi là Vô lượng; thứ năm là Bất khả số, sau trong giải đáp gọi là Vô số; thứ sáu-thứ bảy cùng một câu, đó là Bất khả xưng và Bất khả lượng, Bất khả lượng sau giải đáp ở câu thứ tám, Bất tư nghị ở câu thứ bảy; còn lại đều có thể biết.

Trong phần sau là đáp, có ba: Một, Khen ngợi người hỏi khuyến nhủ lắng nghe; Hai, Tâm Vương cung kính thuận theo; Ba, Nêu ra pháp

chính thức giải đáp.

Trong phần ba là chính thức giải đáp, có hai: 1) Trường hàng chính thức hiển bày về pháp có thể kể ra; 2) Kệ tụng phân rõ về đức đã kể ra.

Trong phần một tổng cộng có 120 lượt, giải đáp mười câu hỏi trước đây: Đầu là 120 lượt giải đáp câu hỏi về Tăng-kỳ thứ nhất; sau là mười tám lượt giải đáp về chín câu hỏi sau.

Trong phần đầu: Trăm ngàn trăm ngàn, nghĩa là trăm ngàn lần trăm ngàn, cho nên nói là trăm ngàn trăm ngàn, đều dùng số đã đếm giống như số có thể đếm. Không giống như Trí Luận đều dùng mười ức làm Lượng, gọi là một Câu-lê, văn mới gọi là Câu-chi, hoặc phiên dịch gọi là Úc. Điều này sợ rằng không có thể dùng trăm ngàn là mười Vạn, mười Vạn là một Úc. Ở đây chính là Úc lần Úc mới gọi là Câu-chi, cũng là Câu-lê lần Câu-lê mới gọi là một Bất Biến. Còn lại đều dựa theo đây. Trong đó hoặc là tên gọi ở xứ sở này, hoặc là giữ lại âm tiếng Phạn, đều là tên gọi của số đếm, có thể biết.

Ở trong mười tám lượt sau: Mười bảy lượt đầu là số của nhân, một lượt sau là Bất khả thuyết chuyển chuyển làm số của quả, bởi vì cao nhất tức là vượt qua biểu hiện của số đếm, giống như quả hải vượt qua tất cả.

Trong phần hai là kệ tụng, có 122 tụng rưỡi phân hai: Một, Bảy tụng đầu xác định về pháp có thể kể ra; Hai, Từ “Ư bỉ nhất nhất...” trở xuống là tổng quát hiển bày về đức đã kể ra.

Trong phần một là số tích tập có mười lớp: 1) Đầu là một câu dùng số thứ mười Bất khả thuyết bất khả thuyết làm căn bản. 2) Tiếp là một câu lại đưa vào trong Nhất thiết Bất khả thuyết, hai câu này làm tổng quát. 3) Chưa biết bao nhiêu Bất khả thuyết gọi là tất cả, tiếp là hai câu hiển bày về kiếp Bất khả thuyết, cho nên gọi là tất cả. 4) Tiếp là một tụng phân rõ dùng nhiều kiếp ấy mà nói đưa vào trong một Trần. 5) Trước đây nói thẳng Bất khả thuyết cõi Phật nghiền nát làm bụi nhỏ, chưa biết bao nhiêu lại là cõi Bất khả thuyết, cho nên tiếp là một tụng rưỡi phân rõ trong một niệm tức là cõi Bất khả thuyết, như vậy niệm niệm lại tận cùng kiếp Bất khả thuyết. 6) Tiếp là một tụng trình bày về trong nhiều cõi như vi trần (sát trần) đều có nhiều kiếp mà nói Bất khả thuyết. 7) Tiếp là nửa tụng trình bày về trong nhiều cõi như vi trần đều thâm nhiếp nhiều chúng sinh. 8) Tiếp là nửa tụng dùng chúng sinh ấy ca ngợi đức rộng lớn của Phổ Hiền. 9) Tiếp là một tụng dùng đức rộng lớn của Phổ Hiền này, lại có Bất khả thuyết Phổ Hiền cùng ở đầu một

mảy lông, cùng lúc đều thuyết về lời Bất khả thuyết như trên. 10) Có nửa tụng tương tự hiển bày về vô biên thế giới khắp mười phương, cũng thuyết giảng giống như ở đây.

Trong mười lớp tích tập này, sáu lớp đầu là mở rộng về cách đếm số đã sử dụng, ba lớp sau là so sánh để hiển bày mở rộng về người có thể thuyết giảng, bởi vì những người như vậy thuyết giảng về những pháp như vậy. Từ “Số số ư như...” trở xuống là đã kể ra đức thù thắng của chư Phật Bồ-tát, ý vẫn như vậy, suy nghĩ có thể thấy.

Trong phần hai là đức đã kể ra, có hai: 1) Trình bày về đức vô ngại của quả mà nhân vị khéo léo dung thông; 2) Từ “Bất khả xưng thuyết chư Như Lai...” trở xuống là trình bày về đức sâu rộng của quả mà nhân có thể hưởng đến tiến vào.

Trong phần một cũng có hai: Trước là phân rõ về pháp vô ngại của quả; sau từ “Bồ-tát ư nhất mao đóa...” trở xuống là trình bày về nhân vị khéo léo dung thông.

Trong phần trước cũng có hai: Trước là quả thuộc Y báo tự tại; sau từ “Nhất nhất mao đóa xuất danh thân...” trở xuống là trình bày về quả thuộc Chánh báo tự tại. Ở trong phần này có bốn: 1) Tổng quát trình bày về ba nghiệp tự tại; 2) Từ “Nhiếp thủ...” trở xuống là riêng biệt trình bày về ngữ nghiệp tự tại; 3) Từ “Vô ngại tâm...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về hai nghiệp thân-ý tự tại; 4) Từ “Tịnh phương tiện...” trở xuống là trình bày về đức dùng pháp ứng với căn cơ.

Ngay trong phần sau là nhân vị khéo léo dung thông có mười: 1) Trình bày về vô biên quốc độ như Nhân-đà-la võng, là nơi khởi hạnh. 2) Từ “Ý căn...” trở xuống là trình bày về hạnh thường xuyên hằng hái của ba nghiệp. 3) Từ “Nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là trình bày về hạnh thuận theo căn khí thân nhiếp chúng sinh. 4) Từ “Ứng hiện sắc tượng...” trở xuống là trình bày về hạnh đi khắp mọi nơi cúng dường chư Phật. 5) Từ “Thành tựu thí tâm...” trở xuống là trình bày về hạnh rộng tu mười Độ. 6) Từ “Bỉ tịnh pháp luân...” trở xuống là trình bày về hạnh đi khắp mọi nơi thân nhiếp giáo pháp. 7) Từ “Thâm nhập chúng sinh...” trở xuống là trình bày về hạnh điều phục chúng sinh. 8) Từ “U bỉ nhất nhất mao đóa...” trở xuống là trình bày về hạnh rất thanh tịnh của ba nghiệp. 9) Từ “Bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về hạnh tự tại của Nguyện trí. 10) Từ “Bất khả xưng thuyết nhất thiết kiếp...” trở xuống là một tụng kết luận về đức vô tận.

Trong phần hai là trình bày về đức sâu rộng của quả mà nhân có thể hưởng đến tiến vào, có hai: Trước là quả, sau là nhân.

Số Ngay trong phần trước là chữ có ba: Một, Tổng quát ca ngợi về đức của quả Phật; Hai, Từ “Nhược ư nhất tiểu...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về quả thuộc Y báo; Ba, Từ “Ưu bỉ nhất nhất Phật sát trung...” trở xuống là riêng biệt trình bày về quả thuộc Chánh báo.

Trong phần sau từ “Bồ-tát cứu cánh...” trở xuống là trình bày về nhân thuận theo tiến vào, có hai: Một, Hạnh thuộc Tự phần; Hai, Từ “Hoặc ư nhất thời...” trở xuống là trình bày về hạnh thuộc Thắng tiến.
